**Phan Quỳnh**

Vật cổ truyền Việt Nam

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động  
  
*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)  
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

[Vật cổ truyền Việt Nam](" \l "bm2)

**Phan Quỳnh**

Vật cổ truyền Việt Nam

**Trong Lịch Sử Và Giai Thoại**   
Đấu vật là một hoạt động dùng sức không có phương tiện, dụng cụ nào ngoài tài khéo nhanh nhẹn, nghệ thuật, dẻo dai và sức lực nhằm thi thố tài năng quật ngã nhau giữa haiđối thủ gọi là Đô hay Đô Vật. Khác với đánh võ bàn tay luôn luôn cứng, khi giao đấu các đô vật hai bàn tay mở xòe và mền mại, hầu dễ dàng cầm nắm, quăng quật. Những đô vật nổi tiếng hay bậc thầy được tôn là Trạng Vật. Tại những làng thôn có nhiều đô vật giỏi, hoặc có nơi đào tạo được nhiều đô vật, có thầy dạy hẳn hoi, gọi là Lò Vật.   
Vật là một bộ môn thể thao rất được ưa chuộng trong giới nông dân Việt Nam thời xưa. Những ngày đầu của mùa Xuân thuở thanh bình hay những buổi hội hè đình đám nơi thôn dã, dân làng thường tổ chức những cuộc vui như hát quan họ, thi nấu cơm, chọi trâu, đá gà, đánh đu, kéo co, bắùn nỏ, đánh gậy trung bình tiên, đấu vật, v.v... Nhất là đấu vật, mở hội ngày Xuân mà không có thi vật thì thật là thiếu thú vị của những ngày Tết. Trống vật nổi lên là có sức thu hút mọi người, già, trẻ, gái, trai, đủ mọi tầng lớp nô nức đến bao quanh đấu trường; người ta bình luận say sưa, chê khen rành rọt từng thế, từng miếng vật, từng keo vật từng tác phong của mỗi đô. Bộ môn vật, ngoài tính cách giải trí vui chơi, còn là một môn thể thao hữu ích, giúp thanh niên trong làng thêm cường tráng, thêm nghị lực, lòng dũng cảm, để giữ làng, giữ lúa và giữ nước. Đấu vật đã trở thành một tục lệ, một truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Bức tranh dân gian Du Xuân Đồ đã miêu tả sống động cảnh tượng sinh hoạt văn nghệ, thể thao của nhân dân Việt Nam xưa vào dịp đầu Xuân với lời thơ chú thích:   
Thái bình mở hội xuân,   
Nô nức quyết xa gần,   
Nhạc dâng ca trong điện,   
Trò thưởng vật ngoài sân   
Ca dao vùng Sơn Nam có câu:   
Ba năm chúa mở khoa thi   
Đệ nhất thi vật, đệ nhì thi bơi,   
Đệ tứ thi đánh cờ người,   
Phường Bông tứ xứ mồng Mười tháng Ba.  
Ngay từ thời xa xưa, khi mới có của bộ môn này tại nước ta, vật đã được coi là một phương pháp dùng để luyện sức, đo tài, chọn người ra giúp dân giúp nước. Điều đó đã thể hiện ngay trong kỹ thuật, phong cách và lối chơi.   
Theo Pierre Gourou, tác giả sách "Les Paysans Du Delta Tonkinois" tái bản tại Paris năm 1965 (1), thì tại đồng bằng sông Hồng có nhiều làng, ví dụ làng Hà Lỗ tỉnh Bắc Ninh, có tục "đặt ruộng", dành riêng một số Công điền của làng cho làm rẽ, cho thuê thu tô để có tiền tổ chức Hội Vật hàng năm.   
Thật vậy, xưa kia ở nước ta chẳng mấy nơi không có lò vật. Có những lò vật vang lừng xứ Bắc như lò vật Guột, Tri Nhị, Gia Lương (Bắc Ninh), lò vật Đông Kỵ (Đồng Quang, Từ Sơn, Bắc Ninh) lò vật Thụy Lâm (Đông Anh, Cổ Loa), lò làng Yên ( Yên Mẫn, Châm Khê, Võ Giàng ) lò Liễu Đôi (Nam Hà), lò Phú Thọ, Vĩnh Phúc Yên, Nam Định, Hưng Yên,Hải Phòng, lò vật Thường Tín, lò Thanh hóa, Nghệ An, vân vân. Hội Vật làng Sình (xã Phú Mậu, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên) hàng năm mở hội vào ngày 10 tháng Giêng Âm lịch thu hút nhiều đô danh tiếng miền Trung. Lại có lò cứ 12 năm mới mở Hội Vật một lần, ví dụ lò vật Trà Lữ thuộc trấn Sơn Nam cũ, cứ đúng năm Mùi mới lại mở thi Vật, nơi tranh hùng của các đô vật bốn phương, háo hức về giật giải. Nhưng cũng có làng khi mở hội đình ráng tổ chức đấu vật vẫn không thành, theo các cụ già xưa, nếu nơi naò không phải là đất vật thì khó có thể lập nổi sân vật mà các tay đô vật giỏi cũng không đến tranh giải. Đền Lý Bát Đế, thờ tám vị vua nhà Hậu Lý (từ năm 1010 đến năm 1225) tại Đình Bảng (Bắc Ninh), có tượng hai ông Đá Rãi, hai đô vật nổi tiếng.   
Các bô lão Trường Yên Ninh Bình rất tự hào về những ngày hội lớn hàng năm ở địa phương mình: Hội đền vua Đinh, Hội chùa Trường Yên, Hội Cờ Lau tập trận. Trò vui lớn nhất của những hội này là trò đấu võ, đấu vật. Những đô và những thày dậy võ họ Đinh, họ Bùi, họ Vũ cha truyền con nối, làm vẻ vang làng xóm   
Dưới đây, chúng ta thử hướng về lối vật của người nông dân Việt Nam thời xa xưa.   
**I/. TẬP LUYỆN.**  
1/. Quanh năm, xong việc đồng áng, được lúc nào rảnh rỗi, trai tráng trong làng thường rủ nhau tập dượt võ thuật hay vật, họ chỉ bào lẫn nhau, ai có miếng võ nào hay, ngón vật nào độc đáo thì lại truyền dậy cho anh em cùng tập. Những ngày giáp Tết Nguyên Đán, nếu trong làng có ông thày võ, họ đến tụ tập tại nhà ông thày để luyện tập thêm; làng nào không có thì cử người đi đón thày ở lò võ, lò vật các làng lân cận về để dậy.   
Trang phục khi tập luyện cũng như khi lên đài đấu của các đô vật là đóùng có mỗi một cái khố và ở trần, không có đai đẳng gì cả, trên đầu chít khăn đầu rìu hay chít khăn bỏ tua. Khố là một miếng vài dài được cuốn vào như một cái quần sì-líp. Khố có nhiều màu, nào đỏ, nào xanh, nâu hay vàng, hồng, tím,...   
**2/. Kỹ thuật và Nghi lễ.**  
Trước hết, các đô vật được tập cách luyện thể lực cho dai sứ, mạnh tay mạnh chân, cách đứng thủ thế nào cho vững chắc, cách “lồng tay tư” sao cho có ưu thế và những bộ pháp như cách di chuyển từng bước chân, khi tới, khi lui, khi bước ngang, bước xéo, xoay vòng... Họ còn được tập luyện cách té ngã thế nào cho khỏi đập đầu xuống đất, khỏi gẫy tay, tập cách né tránh, thoát hiểm, “cầu vồng“, kể cả những nghi thức có tính cách tôn giáo dành riêng cho mỗi lò vật, như Múa Hoa, Xe Đài hay còn gọi là Ra Giàng, hoặc Múa Hạc v.v...   
Ra Giàng, Múa Hạc hay Xe Đài là một lễ nghi thành kính của các đô vật, và còn một hình thức khởi động của đô vật có mang tính dân tộc, vừa là cách trình diễn của đô vật với khán giả, tạo một không khí hào hứng lành mạnh trước khi vào cuộc đấu thực sự. Ngoài ra Ra Giàng, hai bên vờn nhau, còn đánh đòn tâm lý, gây cho đối phương tư tưởng hoang mang, giao động với những lối Ra Giàng hùng dũng, chân đứng hình con hạc, hay đứng theo kiểu con phượng nhích chân, con dang cất cánh hoặc con công múa xòe, cổ tay uốn lượn, ngón tay múa may mền dẻo, uốn éo, giống như những nghi thức tay Ấn tay Quyết của các thầy tế, pháp sư hay phù thủy. Có lẽ nó có nguồn gốc của lễ nghi Tế Thần sau những chiến thắng của các dân tộc Á đông thời thượng cổ bên ngọn lửa thiêng bập bùng trên thuyền chiến hay đồng nội ven ao hồ, sông biển. (Xem Luyện Võ của Phan Quỳnh). Phải chăng có sự liên hệ nào đó giữa những hình ảnh Ra Giàng hay Múa Hạc của các đô vật vùng đồng bằng Bắc bộ và bắc Trung bộ Việt Nam mà nhịp chân tiến lên lùi xuống ba bước, bước ngang hai bước với những cảnh chim chóc, cảnh người múa (múa võ?)õ chạm đúc trang trí trên trống đồng Đông Sơn, hay rõ hơn trống đồng Hoàng Hạ, Ngọc Lũ hay trên thạp đồng Đào Thịnh? Điểm đáng chú ý là động tác bàn tay những người múa trên trống đồng, thạp đồng đã được thể hiện một cách cường điệu, bàn tay xòe ra hình ba chạc to quá khổ so với người.   
(Xin mở một ngoặc đơn là một số các dân tộc ở Nam Á và ở châu Á hải đảo chạy dài từ phía nam quần đảo Nam Dương đổ lên vùng đa đảo cực bắc Thái Bình Dương cũng có những nghi thức Ra Giàng giống như các đô vật vùng châu thổ sông Hồng, sông Mã: nghi thức Kanbangan của các võ sĩ Pukalam Pentjack cổ điển ở Indonesia, ở vùng hải đảo Celebes, nghi thức Nagdadasal của các đô vật Dommoq nhóm bộ lạc Tagalog vùng đảo Luzon Phi Luật Tân, nghi lễ Suat-Mon hay Wai-Pá thành kính cầu nguyện lúc thượng đài của các võ sĩ Muay-Tai Thái Lan, các võ sĩ Tỷ-Môi xa xưa ở Ai Lao hay của các đô vật Sumo ở Hokkaido Nhật Bản).   
Vật không phải chỉ cần có sức khỏe, có lực để thắng được đối phương, nó còn đòi hỏi phải có thế, có miếng, có kỹ thuật, có mánh lới, cộng với sự nhanh nhẹn, chính xác của từng đô vật. Do đó, vật có nhiều thế, nhiều miếng, có những miếng đánh trong tư thế bất ngờ, có những miếng đánh trong lúc giằng co, hoặc đánh trong tư thế nằm (nằm bò). Dưới đây là một số đòn miếng vật thông dụng:   
- Kê: dùng hông hoặc vai làm điểm tựa để quăng ngã đối thủ.   
- Ngáng (hay Cản): dùng chân quét hay gạt, cản chân đối thủ làm mãt thăng bằng cho té ngã.   
- Đệm: dùng đầu gối, hay bắp đùi, lót đằng sau chân đối thủ rồi dùng sức mạnh của mình gait, đẩy, sô đối phương té ngửa ra.   
- Vét: đang vờn nhau, nhử cho đối thủ tiến lại gần, nhanh chóng cúi người xuống, chân trái gập hạ thấp, chân phải rút về sau duỗi thẳng, đồng thời tay phải đưa lên ấn mạnh vào vai trái đối thủ, bàn tay bắt chặùt lãy khoeo sau chân trái đối thủ giật mạnh về phía mình.   
- Bắt Để Hớt Gót: Hai đô vật đối diện sát vào nhau (mà chưa lồng tay tư) một người bất ngờ dùng hai tay bắt chặt lấy cánh tay phải đối phương. Chân phải và người lập tức xoay chếch sang phía bên phải, người cúi thấp hai chân dạng ra hai bàn chân rê mạnh và nhanh, lùi chếch về phía sau, đồng thời dùng hai tay kéo mạnh đối phương về phía mình. Khi đối phương đang mất đà hơi chúi về phía trước thì lập tức ta hạ tay trái xuống, từ phía trong dùng bàn tay phải bắt và hất mạnh cổ chân trái đối phương ra đằng sau. Thuận bên nào, làm bên ấy.   
**-Bốc Một Chân:**a/ Tư thế bất ngờ: Hai đô vật đứng sát và đối diện, một trong hai người bất ngờ hất hai tay của đối phương lên và người phải nhanh chóng chuồi dài ra phía sau, lúc này chân trái đặt trước, chân phải đặt ở phía sau, đầu cúi xuống, dùng vai ấn vào thân thể đối phương, đồng thời dùng hai tay bốc khoeo chân phải đối phương giật mạnh về phía mình, đối phương bị mất thăng bằng bởi hai lực nên ngã ngửa.   
b/ Tư thế giằng co: Tay phải bá cổ đối phương, tay trái nắm cánh tay trên, tay phải đối phương, dầu cúi xuống dựa vào gáy phía phải đối phương, chân trái phía trước, chân phỉ phía sau. Đối phương dùng sức nay ta, ta dùng sức nay lại. Đối phương lại cố dùng sức nay ta, ta bất ngờ hạ thấp người xuống và đánh như miếng bốc một chân trong tư thế bất ngờ.   
-Sườn tay trong: còn gọi là đánh đòn dọc, bất ngờ biến thế thật nhanh, luồn luồn cánh tay phải vào phía trong cánh tay trái đối phương, bàn tay phải lồng vào nách trái đối phương. Tay trái nắm vào cánh tay phải đối phương, ghì vào sát người mình. Đồng thời bước nhanh chân phải về phía trong lòng đối phương, cúi người xuống dùng hông mình hất mạnh đối phương ra phía sau cho ngã.   
-Đánh Gẫy: Đang lồng tay tư, bất ngờ đổi hai tay vào phía trong cánh tay đối phương, bàn tay trái mở nay mạnh vào cổ bean phải, bàn tay phải xốc nách trái đối phương, kéo mạnh về phía mình, đồng thời nghiêng người dùng sườn trái hất mạnh, chân phải hất chân đối phương cho té ngã.   
-Tay Quai: Đang lồng tay tư, bất ngờ chuyển hai tay vào phía trong hai cánh tay đối phương, tay phải luồn qua dưới nách trái đối phương, tay trái luồn qua trên vai đối phương đều ra sau long và hai bàn tay nắm chắc lấy nhau ghì chặt đối phương. Rồi bất ngờ dùng tay phải nay mạnh đối phương ra sau, cánh tay trái kéo mạnh đối phương về phía mình. Đồng thời nghiêng mình dùng sườn phải đánh mạnh và châm phải hất chân đối phương cho té ngã.   
- Nằm Bò (hay Hạ Thổ): khi bị xa cớ lỡ miếng hay khi gặp đối thủ mạnh hớn, họ thường nằm sãp xuống mặt đãt, tay chân dang rộng ra, mặc cho đối thủ tha hồ đẩêy, bê, bứng, nhấc hổng, để rồi liệu cơ hội đánh lừa đối thủ, lợi dụng lúc đối thủ sơ hở thì lập tức chồm dậy tấn công lại.   
Các miếng Bốc, miếng Gồng, miếng Sườn,..., có lại có nhiều thế khác nhau: Gồng Đứng, Gồng Quỳ, Gồng Ngồi, Sườn Tay Trong, Sườn Tay Ngoài, Bốc Hai Chân, Bốc Một Chân, vân vân.(2)   
Tuy nhiên, mỗi lò vật, mỗi địa phương, lại có những thế vật độc đáo, đặc biệt riêng, phong cách riêng, mạnh mẽ, ác hiểm hay uyển chuyển, bay bướm riêng, nổi tiếng trong vùng, nhất là những thế “đánh dịp nhì”. nghĩa là kỹ thuật đánh chống lại, phản lại: chống Bốc, chống Gồng ngồi, chống Mói, chống Cầu vồng, chống Sườn trong, vân vân, ví dụ xưa kia: lò Mỹ Độ (tổng Mỹ Cầu, Phủ Lạng Thương) có miếng chống Vét, chống Gẫy, Lấy Bò, lò Mai Động có miếng Giồng, miếng Mói, lò Yên Sở có miếng Sườn miếng Móc, lò Đồng Tâm (Vụ Bản Nam Định) lại nổi tiếng với những ngón Móc-Chảo, Vỉa Lộn Cối, Giát Bốc, Bỏ Thuốc, Sườn Cặp Cổ,...   
**II/-. LỆ VẬT**Muốn đánh bại đối thủ trong cuộc đãu vật thì các đô vật phải theo những luật lệ sau đây:   
1/. Nhấc bổng địch thủ hổng cả hai chân lên khỏi mặt đất (“Túc Ly Địa”) được coi là thắng, hổng một chân không kể.   
2/. Vật đối phương té ngã ngửa, lưng vai chạm mặùt đất thì thắng (“Lấm Lưng Trắng Bụng”), ngã xấp không kể.   
Vật không có hòa, phải xác định một thắng một thua (thắng tuyệt đối hay thắng điểm). Ngoài ra không được đấm đá, bãm huyệt, móc xương quai xanh, chẹn hàm, bẻ cổ, lên gối, nắm tóc, móc mắùt, cù léc, thọc cắn,..., phun nưôc miếng, văng tục, xé khố đối thủ, hay khi bị té ngã rồi không được móc chân cho đối thủ ngã theo, v.v...   
Thí sinh thượng đài đấu vật không tính tuổi tác hay cân lượng.   
**III/. GIẢI VẬT.**  
Tùy theo địa phương tổ chức, vật có nhiều giải khác nhau, chia hai loại: Giải Thờ và Giải Chính.   
**1/. Giải Thờ (hay Giải Hàng)**  
Giải thờ còn được gọi là Giải Xông Sới, không có người giữ giải. Ai muốn lên vật thì ghi tên rồi bắt cặp. Ai thắng thì được làng thưởng. Tranh Giải Thờ chỉ là mở đầu cho ngày Hội Vật, để cho những ai muốn khảo sức nhau thì lên bắt cặp, và có nhiều Giải Thờ trong một ngày. Ở giải này khi vật hai đối thủ thường không dùng hết sức, chỉ cốt phô bày nghệ thuật, vật cho đẹp, cho vui, có khi cả hai cùng té ngã cho cả làng cùng cười. Thay vì họ lừa miếng nhau thì họ lại múa may cho thật mền dẻo để người xem vui mắt.(3)   
2/. Giải Chính.   
Giải Chính có ba giải: giải nhất, giải nhì và giải ba. Ba giải này đều có người xin giữ. Các đô vật tứ xứ muốn phá giải nào thì xin ghi tên để vật với người giữ giải ấy. Nếu không có ai xin phá giải trong ba ngày, theo lệ làng, thì người giữ giải đương nhiên được lãnh giải mình giữ (Giải Cạn).   
Trong ba Giải Chính này thì giải ba phải được phá trước rồi mới tới giải nhì, và giải nhất.   
Về số đối thủ phải đấu thì lệ làng định như sau:   
- Giải nhất: trong sáu ngoài năm.   
- Giải nhì: trong bốn ngoài ba.   
- Giải ba: trong ba ngoài hai.   
"Trong sáu ngoài năm" nghĩa là ai giữ giải nhất thì phải vật thắng đủ liền sáu người mới được coi là chiếm giải, còn người phá giải thì chỉ cần vật ngã năm đối thủ kể cả người giữ giải. Nếu người giữ giải đã thắng năm keo mà bị thua keo chót thì cũng không được nhận giải. "Trong bốn ngoài ba" hay "Trong ba ngoài hai" cũng tính tương tự như thế.Giải thưởng cho đô vật có nhiều loại cho giải chính, giải hàng, lại có giải chung cuộc cho đô vật nào thắng nhiều điểm nhật trong những ngày Hội Vật   
Thường thường Giải Chính do đô vật hạng nhất trong làng hay ở các làng khác đến xin giữ.   
**IV/. THƯỢNG ĐÀI.**  
Ngày Hội Vật đầu Xuân đã đến. Trống vật thúc dục làm nao nức lòng người. Già trẻ, trai gái đều bỏ mặc hết mọi công việc nhà, rủ nhau tụ tập đông đảo trước sân đình để dự khán. Các đô trong làng đều ghi tên dự thí. Những đô tứ xứ, ở các làng lân cận muốn xin dự thí phải mang lễ vật đến để xin cúng thần. Tùy theo lệ làng, có nơi lễ vật là đĩa sôi gấc, hay nhánh cau với vài lá trầu, hoặc bó hoa, trái cây hoa quả , hoặc thẻ nhang,...   
Bãi cỏ phẳng rộng trước sân đình làng được dùng làm đấu trường, ở giữa được kẻ vạch một vòng tròn, đường kính khoảng 6 mét bằng vôi trắng, vòng tròn này được gọi là sới vật. Có nơi sới vật là hình vuông mỗi cạnh tám mét, có nơi sới vật được đóng dóng bằng tre chung quanh, có nơi sới vật nằm dưới đáy ao nông cạn đã tát hết nước và khơi khô trước sân đình để dân làng, khán giả đứng chung quanh bờ xem cho rõ (sân này còn được dùng để đánh cờ người). Hai bên sới vật là hai hàng cờ đuôi nheo ngũ hành gồm năm mầu xanh, đỏ đen vàng trắng, mỗi bên năm lá cờ. Các đô vật trong thiên hạ ở trần trùng trục, chỉ đóng mỗi một cái khố, đầu chit khăn, ngồi thành hai hàng dưôi hai dẫy cờ. Người nào cũng lực lưỡng, bắp thịt nỏ nang rắn chắc.   
Hai bên tả hữu trước sới vật là hai cái trống cái (trống lớn), có nơi chỉ dùng một trống thôi, và những hàng ghế danh dự dành cho quí vị chức sắc trong làng và hàng tổng. Hai vị đàn anh trong dân được cử đánh trống cái, gọi là "cầm chịch", nghĩa là làm nhiệm vụ của trưởng ban Trọng tài cuộc đấu.   
Giữa hai trống cái đó là bàn thờ thần, và phía dưới, trước mặt bàn thờ, được trải một chiếc chiếu cạp điều để các đô lễ thần trưôc và sau khi giao đãu. Có điều họ lễ thần không bằng cả hai tay như bình thường mà chỉ lễ lên gối xuống gối chống một tay trái thôi.   
Sau khi múa Ra Giàng, hai đô vật bắt đầu giao đấu. Trống vật liên tục mỗi hồi là ba tiếng. Hai người cầm chịch cứ người nọ đánh ba tiếng dứt thì người kia lại đánh ba tiếng tiếp theo. Các đô vật tài hoa thường dùng các miếng vật vừa đẹp mắt mà vẫn quyết liệt, nghiêm túc và chính xác.   
Ngay giữa sới vật có ba người tuần đinh, làm nhiệm vụ của trọng tài phụ. Hai trong ba người này, mỗi người cầm một lá cờ đuôi nheo nhỏ phất phẩy làm hiệu lệnh vật, người thứ ba cầm một trống lưng (trống nhỏ) để gõ nhẹ khuyến khích, thúc dục hai đô tấn công tiếp.   
Keo vật càng trở nên gây cấn, tiếng trống lại mau hơn, người tuần đinh kề hẳn trống vào mang tai các đô để thúc, để cổ võ để nhắc nhở, hai lá cờ đuôi nheo cũng nhộn nhịp phe phẩy không ngừng để giữ trật tự, giãn các khán giả vây vòng mỗi lúc một quá chặùt.   
Khán giả reo hò, la hét khuyến khích yểm trợï tinh thần "gà nhà", họ dán mắt vào từng miếng bốc, miếng sườn, miếng gồng của các đô, rồi reo lên khi đô nào đó hạ đối phương bằng một miếng đẹp mắt. Keo vật vào hồi quyết liệt, họ, những khán giả sát gần sới vật, nằm xoài ra đất để xem cho rõ.   
Hai đối thủ nào bá cổ, nào tay nắm tay, hoặc thủ thế, giữ miếng, vờn nhau,... Họ ôm lưng, bá vai, ngáng chân, có lúc họ nắm tay nhau giật mạnh rồi buông ra cho té ngã. Cuộc đấu mỗi lúc một gay go, sôi động và hào hứng. Họ lừa nhau từng miếng, từng bưôc chân, từng cách di chuyển, rồi gặp cơ hội thuận tiện họ quật ngã ngửa nhau “lấm lưng trắng bụng” giữa tiếng reo hò ầm ĩ vui vẻ của mọi người...   
Giải nhất vừa được phá. Kẻ chiến thắng hiên ngang kiêu hãnh lên lãnh giải. Phần thưởng đôi khi chỉ là ba vuông vải nhiễu điều, gói trà mạn sen (có những Hội Vật lớn, giải chính là một con bò hay con nghé) và một phong pháo toàn hồng được xé ra đốt ngay sau cuộc đấu như chào mừng người vô địch thiên hạ.   
Sau ba ngày tận sức, tận lực chiến đấu trong tinh thần thượng võ, huynh đệ, các đô lại quây quần dưới mái đình cùng nhau chè chén vui vẻ.   
**V/ TRONG LỊCH SỬ VÀ GIAI THOẠI**Vật cổ truyền Việt Nam đã có từ thời thượng cổ. Truyền thuyết và giai thoại về vật cũng phong phú và đa dạng.   
Một truyền thống cao đẹp của vật là ngay từ thời kỳ đầu dựng nước và giữ nước, các anh hùng dân tộc cứu dân giúp nước phần lớn đều là những đô vật nổi tiếng trong dân gian, được nhân dân kính trọng và thờ phụng mà ngày nay vẫn còn đền thờ: như Lý Ông Trọng (Lý Thân) được thờ ở Chèm, (ngoại ô Hà Nội), như Đô Lỗ (Cao Lỗ), Đô Nồi (Nồi Hầu), giúp vua Thục An Dương Vương (năm 257-207 trước Tây lịch), ngày nay nhân dân vẫn hương khói thờ phụng tại Cổ Loa.   
Theo Thần tích đền Nghè (Hải Phòng) bà Lê Chân dựng đài thi võ, luyện vật cho ba quân, chiến đấu giúp Hai Bà Trưng (năm 40-43 sau Tây lịch) đánh đuổi quân Đông Hán Trung quốc. Đô Dương, Đô Chinh (Nguyễn Tam Chinh) đã là những bậc thày nổi tiếng trong làng xã trước khi ra giúp Hai Bà Trưng cứu nước. Khi chết, Đô Chinh được nhân dân nhớ ơn, vinh tôn là Thần Hoàng làng làng Mai Động (ngoại thành Hà Nội), thờ phụng cho đến ngày nay và được xưng tụng là ông tổ lò vật Mai Động.   
Nhân đây cũng xin nêu lên một chi tiết cần tìm hiểu thêm về Thành Hoàng làng Mai Động của các tác giả Văn Hạc trong bài “Lai Lịch Và Ý Nghĩa Hội Vật Làng Mai Động” đăng trong báo Trung Bắc Chủ Nhật, số 100 phát hành tại Hà Nội ngày 1 tháng 3 năm 1942 (trang 15, 16) và tác giả Toan Ánh trong tác phẩm Hội Hè Đình Đám, quyển thượng xuất bản tại Saigon năm 1969 (trang 61), các tác giả này đều cho Thành Hoàng Làng Mai Động là Bà Lê Chân, nhưng thần phả làng Mai Động và nhân dân làng này lại cho biết Thành Hoàng làng là lão đô Nguyễn Tam Chinh. (Bà Lê Chân và lão đô Nguyễn Tam Chinh đều là tướng lãnh của Hai Bà Trưng).   
Thần phả làng Mai Động ghi: Nguyễn Tam Chinh vốn người Thanh Hóa, vì chán cảnh mất nước, bỏ ra bắc tới Động Mơ tức Mai Động, thấy vùng đất lạ mới dừng lại mở trường dậy học. Ông thu nhận được 30 môn đồ, có sức khỏe, có kiến thức,truyền dậy cả văn cả võ để đợi thời cơ. Trong các môn võ thuật, ông chú ý dậy cho học trò cách thức đấu vật. Ngày ngày, trước sân trường, ông ngồi xem từng cặp luyện tập, chỉ cho họ những ngón sơ hở và truyền cho họ những miếng hiểm ác để hạ thủ đối phương. Lớp học càng ngày càng tấn tới. Khi Hai Bà Trưng hiệu triệu nhân dân nổi dậy khởi nghĩa đánh đuổi quân Tô Định, ông làm lễ tế trời đất rồi cùng học trò kéo quân lên phụ giúp Hai Bà Trưng và lập được nhiều chiến công. Già trẻ trai gái mở hội đón rước và tình nguyện xin theo Đô Chinh rất đông. Cũng từ đó môn vật được lưu truyền lại trong vùng. Hàng năm mỗi lần Tết đến, nhân dân ở nay lại tổ chức Hội Vật vào những ngày mồng 4, 5, 6 để tưởng nhớ người xưa.   
Truyền thuyết cũng kể rằng khi Hai Bà Trưng khởi nghĩa, nhiều đô vật Kinh Bắc (Bắc-giang, Bắc-ninh) đã cùng bà Thánh Thiên hưởng ứng nhiệt liệt và đã trở thành những tướng giỏi của Hai Bà. Thánh Thiên công chúa sau khi hy sinh đền nợ nước đã được nhân dân Ngọc Lâm (huyện Yên Dũng, Bắc Giang) thờ làm Thần Hoàng làng.   
Trước khi phát động quần chúng khởi nghĩa đánh giặc Đông Ngô, Bà Triệu (năm 248) đã lên núi Nưa mở trường thi võ, đấu vật, luyện kiếm, bắn cung nỏ, huấn luyện nghĩa quân sao cho mỗi người vừa có thể lực dồi dào, vừa tinh thông các môn võ nghệ, chiến đấu chống giặc, khiến kẻ địch khiếp vía phải thốt lên:   
Hoành giáo đương hổ dị   
Đối diện Bà vương nan!   
(múa giáo chống hổ dễ, giáp mặt với vua Bà thực khó!)   
Dân gian ngày nay còn truyền tụng câu ca dao nói lên sự ủng hộ của quần chúng đối với “Nhụy Kiều tướng quân” Triệu Thị Trinh và ca ngợi tài đức của bà:   
Ru con con ngủ cho lành   
Để mẹ gánh nước rửa bành cho voi   
Muốn coi lên núi mà coi   
Coi bà Triệu tướng cưỡi voi bành vàng.   
Lý Bôn tức Lý Nam Đế (năm 544-548), Triệu Quang Phục, Mai Thúc Loan tức Mai Hắc Đế (năm 722)... đều có sức khỏe hơn người và nổi tiếng về vật đã lãnh đạo toàn dân nổi lên chống quân Trung quốc xâm lược. Phùng Hưng giỏi vật và quật chết được cọp dữ dược nhân dân tôn là Đô Quân, vua của các đô vật, và người em ruột của ông là Phùng Hải, giỏi vật không kém anh, được nhân dân tôn là Đô Bảo, tướng của các đô vật trong thiên hạ (4)   
Lò vật làng Quỳnh Đô đã nổi tiếng trong vùng ngay từ thế kỷ thứ VI, thời kỳ nhà Lương đang đô hộ Giao Châu. Tục ngữ có câu: “Lo vật Quỳnh Đô, rỏ cua Cổ điển” , Quỳnh Đô thuộc huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông. Hồi còn son trẻ, lão đô Phạm Tu trước khi ra giúp vua Lý Nam Đế đánh đuổi quân nhà Lương, khai sáng nhà nước Vạn Xuân năm 544, đã từng học vật tại Quỳnh Đô. ông người làng Quang (tức làng Thanh Liệt, Thanh Trì, cùng quê hương với thày đồ cương trực Chu Van An) đã sang tập vật làng bên là Quỳnh Đô và trở thành một đô vật nổi tiếng trong vùng, nhân dân thường gọi là Đô Tu (có tài liệu ghi là Đô Hồ, vì tương truyền thần thánh đất Tây Hồ đã “ứng điềm lành” trong việc ông ra đời) (5)   
Nhân dân vùng Thanh Hóa ngày nay vẫn còn truyền tụng về lò vật nổi tiếng của Dương Đình Nghệ, nơi sản xuất ra nhiều đô vật giỏi ra giúp Ngô Vương Quyền đánh đuổi quân Nam Hán (năm 939), dựng nền độc lập lâu dài cho đất nước.   
Ngay khi giành được nền tự chủ lâu dài cho dân tộc, các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần và tiếp theo sau nữa, trong việc tổ chức quân độ gìn giữ bờ cõi, nhà nước đều coi trọng bộ môn vật, đã thiết lập trong quân ngũ nhiều đội vật, tổ chức thường xuyên đấu vật nhằm rèn luyện thể lực, lòng dũng cảm, tuyển lựa nhân tài và giải trí trong quân sĩ.   
Đội Đô vật Xuân Trường thời Trần đã góp phần tạo chiến công hiển hách thắng quân Mông Nguyên, một đoàn quân hung hãn, có lối vật Mông cổ nổi tiếng đương thời. Bà Liệt, Hoài Đức Vương, con tư sinh của Trần Thừa, em cùng cha khác mẹ của vua Trần Thái Tông, cũng đã từng là một đô vật có hạng trong đội vật nổi tiếng tại kinh đô Thăng Long.   
Sử cũ chép: “ Nhâm Thìn, năm Thiên Ứng chính bình thứ I (1232) (nhà Tống , năm Thiệu Định thứ 5). Tháng Giêng, mùa Xuân mới sắp xếp nghi lễ trong triều:   
Phong cho em là Bà Liệt tước Hoài Đức Vương.   
Thượng hoàng lúc còn hàn vi, có lấy một người con gái ở thôn Bà Liệt, huyện Tây Chân, khi đã có thai thì bỏ, sau sinh con trai, Thượng hoàng không nhìn nhận gì đến. Người con trai ấy lúc lớn lên, mặt mũi khôi ngô, giỏi nghề võ, sung vào đội đánh vật. Một hôm, cùng với người trong đội đánh cầu, rồi lại cùng nhau đánh vật, người kia vật người con trai ấy ngã, chẹn lấy cổ, gần tắt thở, Thượng hoàng tự nhiên quát to lên rằng: “ Nó là con ta nay! “Anh kia sợ, buông ra, nhân thế gọi tên là Bà Liệt. Nay có lệnh phong tước cho (6)   
Trong binh đội của triều đình nhà Lê, đô vật được chia làm nhiều loại từ thấp đến cao với những cấp bậc, tên gọi khác nhau, lịch trình đấu vật hàng năm và cách thi vật tại kinh đô Thăng Long được Phan Huy Chú ghi rõ ràng trong sách Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí như sau:   
-“Hàng năm, khi Tế cờ xong, sai hai viên quan võ coi thi đánh vật (một viên quản binh thị hậu, một viên quản ngoại binh). Trước khi thi Đô và Sứ ba keo, rồi Đô và Sứ mới cử tử đệ rat hi. Những người mới tiến cử cùng đấu với nhau, ai thắng ba keo thì cho đấu với Xa. Thắng Xa ba keo thì cho đấi với Dù. Tuy thắng Dù ba keo, cũng không được đấu với Sứ. Lực đấu với Lực thắng ba keo thì cho đấu với Xa, thắng Xa ba keo, cho đấu với Dù, thắng Dù ba keo, cho đấu với Sứ. Tuy thắng Sứ ba keo, cũng không được đấu với Đô. Nội lực sĩ đấu với Nội lực sĩ, thắng ba keo, thì cho đấu với Xa, thắng Xa ba keo, cho đấu với Dù, thắng Dù ba keo, cho đấu với Sứ, thắng Sứ ba keo, cho đấu với Đô. Người mới tiến cử đấu với Dù thắng hai keo trở lên, thì cho làm danh tướng ở Dù, đấu với Xa thắng hai keo trở lên, cho làm danh tướng ở Xa, đấu với Lực thắng hai keo trở lean, cho làm danh tướng ở Lực. Lực đấu với Dù thắng hai keo trở lên, cho làm danh tướng ở Dù, đấu với Xa thắng hai keo, cho làm danh tướng ở Xa. Nội lực sĩ đấu với Xa, thắng hai keo, cho làm danh tướng ở Xa, đấu với Dù thắng hai keo, cho làm danh tướng ở Dù. Người nào thắng Sứ hai keo, cho chức phó đề hạt; thắng Đô hai keo, cho chức đô úy. Sứ thắng Sứ ba keo, cho đấu với Đô; thắng Đô một keo, dẫu có thua một keo, cũng cho thăng chức. Đô mà thắng Đô, không thua keo nào, cho chức Đô úy. (chú giải: Đô, Sứ: các tay vật cao cấp; Xa: có lẽ là quân ở các độ Tứ xa; Dù: có lẽ là quân các độ Bả dù; Lực: tên những đội quân, ví như Lực, Hành)” (7)   
Một giai thoại về Trạng Vật dưới triều vua Lê Thánh Tông đã được Vũ Phương Đề ghi lại năm 1755 trong tác phẩm Công-Dư Tiệp-Ký như sau:   
Ông Võ-Phong người làng Mộ-Trạch là em quan Thượng Võ-Hữu, nguyên người có tướng ngũ-đoản (chân tay, tai, mắt, miệng, mũi, 5 thứ đều ngắn và nhỏ, còn người thì thấp) nhưng rất giỏi về môn đấu vật. Đời vua Lê Thánh-Tông (1460-70) nhân có một hôm ông ra kinh thành Tràng-An gặp lúc vua đang ngự triều, ông thấy có viên Đô-lực sĩ vác chiếc chùy đồng đứng hầu có vẻ dương dương tự đắc! ông bèn quay lại hỏi bạn: này bác người kia là ai? có tài cán chi? mà dám ngang nhiên như vậy.   
Bạn đáp: Người đó là một võ sĩ sở trường về môn đánh vật, hiện thời không ai địch nổi! như vậy cũng là một cách để tiến thân đó!   
Nghe bạn kể xong ông lại hỏi rằng: nếu vậy ngày mai tôi muốn cùng y so tài cao thấp phỏng có được không?   
Bạn nghe xong vội vàng can rằng: người ta cao lớn thế kia mà bác thì bé loắt choắt như vậy! sợ khi đối thủ lại làm trò cười cho thiên hạ đó thôi!   
Ông mỉm cười đáp: điều đó xin Bác đừng ngại. Tôi đây bản lĩnh rất cao cường! từ trước đến giờ chưa ai thắng nổi. Còn y chẳng qua chưa gặp địch thủ nên mới nổi danh, nhưng nay gặp tôi rồi Bác thử coi tôi sẽ thắng y một cách rất dễ đó! Nói xong ông bèn viết một bản tấu xin cùng lực sĩ so tài.   
Hoàng Thượng xem tấu phán rằng: lực sĩ của ta tuyển lựa trong muôn ngàn người mới được có một! hỏi có ai hơn được nữa? thế mà anh kia tài nghệ ra sao lại giám to gan lớn mật như vậy? nhưng rồi Ngài cũng phê chuẩn và định ngày giờ tỉ thí để Ngài thân ngự ra coi.   
Thế rồi đến hôm tỉ thí, trong lúc đôi bên còn đương vờn nhau biểu diễn, thì ông quờ ngay xuống đất lấy một ít cát nắm kín trong lòng bàn tay, thừa lúc vô tình ném thẳng vào mặt địch thủ. Lực sĩ vừa nhắm mắt lại thì nhanh như chớp, ông đã dùng miếng Xuyên Trừu, một tay thọc nách một chân đệm phía sau lưng, đẩy mạnh một cái khiến cho Lực sĩ mất đà bị nằm phơi bụng ngay trên mặt đất (Theo lệ đua vật, hễ ai bị nằm ngửa bụng mới gọi là thua, còn nằm sấp bụng thì không kể). Thế là ông đã thắng cuộc một cách dễ dàng! khán giả hoan hô nhiệt liệt.   
Lúc ấy Hoàng-Thượng ở trên đài trông xuống thấy ông quật đổ Lực sĩ mau lẹ như vậy, Ngài cũng tấm tắc khen là một tay Thần dũng, rồi sai lột chức Đô Lực-sĩ để phong cho ông; dần dần ông được thăng đến Cẩ-Y Thị-Vệ Úy-ty Chỉ-huy-Sứ, nổi tiếng là người chính trực siêng năng... làm Trạng đô vật... (8)   
Sử cũ cũng ghi chuyện Mạc Đăng Dung, người tạo dựng triều đại nhà Mạc (1527-1667), từng là một ngư phủ nghèo hèn, nhờ tài vật khéo léo mà nổi danh, bước tiến vào quan trường leo từ võ tướng lên đến bậc đế vương (9)   
Một giai thoại nữa về vật có liên quan đến Mạc Đăng Dung được hai tác giả Phạm Đình Hổ và Nguyễn Án trong tác phẩm Tang Thương Ngẫu Lục thế kỷ XIX ghi lại như sau:   
Triều trước, ông Lê Tuấn Mậu, người làng Xuân Lội, huyện Yên Phong làm quan đến chức Đô Ngự Sử. Bấy giờ Mạc Đăng Dung do sự đánh vật mà được làm nên quan to. Ông nhiếc hắn rằng:   
- Anh đừng cậy sức, ta rất có thể như thế được, nhưng không thèm làm nay thôi.   
Giăng Dung tức, xin với vua cùng ông thou sức, ông hăng hái nhận lời, bôi mỡ vào mình, cài kim vào tóc và khố, vật cho Đăng Dung ngã suýt chết.   
Khi Đăng Dung cướp ngôi, ông thác bệnh không ra. Y cố mời mãi, ông bảo người đỡ vực vào triều, rồi nhổ vào mặt hắn mà chết. (10)   
Vào thế kỷ XVI, có một giai thoại về quan Thượng thư mê vật như sau: Thượng thư Nguyễn Doãn Khâm thời nhà Mạc,vốn là một đô vật. Một ngày Xuân nọ đi qua làng Giao Tất (Gia Lâm Bắc Ninh) mởù hội đầu năm, thấy một đô vật đã ba ngày liền giữ giải làng. Ông dừng lại và xin vào đọ sức. Đô vật đang giữ giải giận lắm, định bụng vật ông ngã ngay tức khắc. Song chỉ một keo, ông đã làm cho đô vật ấy lấm lưng, trở tay không kịp. Anh ta liền bái phục, xin nhường lại giải cho ông. Nhưng ông không nhận. Đó là một giai thoại mà nhân dân hay truyền tụng để nói lên tinh thần thượng võ và tính khiêm tốn, thương yêu lẫn nhau giữa các đô vật (11)   
Trên phần lớn các cột kèo, hoành phi, bình phong bằng gỗ quí tại đình, chùa, đền, miếu ở miền Bắc xưa các nghệ sĩ dân gian thường trang trí, chạm trổ, tạc khắc những cảnh sinh hoạt, hội hè đương thời, và đấu vật là một đề tài không thể thiếu trong những trang trí này.   
Tác giả Bàng Bá Lân có bài thơ "Vô Địch" nói về đấu vật như sau:   
**Vô Địch**Trên sân cỏ trưôc đình, hai đấu thủ.   
Hai tượng đồng - đối mặt đứng khom khom.   
Bốn cánh tay dang thẳng đợi giao đòn;   
Bốn chân vững như chôn liền xuống đất.   
Họ lăn lẳn nhìn nhau vào tận mặt.   
Bắp thịt căng, cuồn cuộn nổi như thừng.   
Mắt gườm gườm như cọp dữ tranh hùng.   
Cằm chành bạnh, tay chờn vờn giữ miếng.   
Bỗng như chớp, cà hai cùng chồm đến.   
Nắm tay nhau giật, lắùc, vặn tơi bời..   
Tùng, tùng... tùng. Trống vật giục liên hồi.   
Cuộc giao đấu đã tới màn gay cấn:   
Anh "Khố Đỏ", to con hơn chèn lấn   
Ghì đối phưóng muốn nghẹt thở rơi xương.   
Nhưng "Khố Đen" luồn mau lẹ dị thường   
Như lươn trạch, thoát vòng tay địch thủ.   
Cuộc đấu sức vẫn chưa phân thắng phụ,   
Mọi ngón đòn ác liệt được đưa ra.   
Mồ hôi nồng thoa mỡ bóng làn da.   
Bỗng "Khố Đỏ" vung tay như trăn gió.   
Quấn chặt cứng lấy cánh tay đối thủ,   
Còn tay kia quờ rộng bắt ngang chân   
"Khố Đen" vùng nhẩy vọt vượt qua tầm   
Tránh thoát kịp, và tung đòn hiểm độc.   
Hắn húc mạnh đầu đối phương nghe "cộp"   
"Khố Đỏ" bất ngờ lộng óc, chùn chân,   
Mắt hoa lên, lỏng hở cánh tay thần   
"Khố Đen" lẹ luồn nhanh vào bụng địch,   
Chuyển thần lực, đội bổng trăm cân thịt   
Quay một vòng và quật ngửa tênh hênh   
Tiếng hò reo vang rộn cả sân đình.   
Hoan hô kẻ vừa thắng vòng chung kết. (12)  
**V/ ĐOẠN KẾT**Xuân đã hết, ai nấy lại tiếp tục công việc đồng áng và hẹn gặp nhau trong những ngày Xuân năm sau.   
Điểm ghi nhận nơi đây là các đô vật nông dân xưa có một tinh thần thượng võ đáng kính trọng, họ ganh đua nhau trong tài cao thấp, kẻ thắng người bại đều hả hê vui vẻ, khâm phục nhau thật sự, không hận thù ghen ghét. Mặc dù phần thưởng các giải vật không đáng giá bao nhiêu so với công lao lặn lội từ xa xôi và sắm sửa lễ   
vật mang đến, họ vẫn nao nức, hăng say rủ nhau đến phá giải. Hễ nghe thấy nơi nào, làng nào mở Hội Vật nhất nhất họ cũng hẹn hò, lặn lội rủ nhau đến dự để đua sức, để xem mặt biết tên người vô địch.   
Vật cổ truyền Việt Nam có xu thế thiên về các đánh và đỡ ở thế thấp. Tuy nhiên, vật Việt Nam cũng có sử dụng các miếng ở thế đánh cao như Đội, Sườn, và nhiều miếng đánh khác đòi hỏi kỹ thuật cao, nhưng nói chung ít được dùng. Và dù ở thế, miếng nào, thấp hay cao, đều dùng tài nghệ làm cho đối phương té ngã “lấm lưng trắng bụng”. loại trừ những lối đánh ác hiểm. Điều này đã trở thành đạo lý và phong tục trong làng vật Việt Nam xưa. Nhờ vậy, tuy trong từng làng xã chưa có luật lệ đấu vật thành văn rõ ràng, nhưng từ các đô vật tới người xem trước nay đều coi những lối đánh ác hiểm là xấu, là hèn, trái với tinh thần thượng võ chân chính. Những đô vật có kỹ thuật cao, có miếng đánh sáng tạo, điêu luyện, được nhân dân quí mến, tuổi trẻ tin theo, triều đình mộ dụng vậy.   
Chú thích   
(1) Pierre Gourou, Les paysans du delta tonkinois, Paris, Monton et Ce Lahay, 1965.   
(2)Vật Việt Nam, Tổng cục Thể Dục Thể Thao, Ha Nội, 1974, trang 9.   
(3) Toan Ánh, Phong Tục Việt Nam, nhà XB Xuân Thu tái bản tại Los Alamitos USA, trang 230.   
(4) Lý Tế Xuyên, Việt Điện U-Linh Tập, bản dịch của Lê Hữu Mục, Saigon, nhà sách Khai Trí, 1960, trang 49.   
(5) Trần Quốc Vượng (chủ biên), Nghìn Xưa Văn Hiến, TẬP I, tái bản lần 1, Hà Nội, nhà xuất bản Hà Nội, 2000, trang 133..   
(6) Quốc Sử Quán thế ky XIX, Việt Sử Thông Giám Cương Mục,(chinh tên là “Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục”) Chính biên, quyển 6-8, tập V, Tổ Biên Dịch: “Ban Nghiên Cứu Văn Sử Địa “ biên dịch và chú giải, Hà Nội, nhà xuất bản Văn Sử Địa, 1958, trang 455.   
(7) Phan Huy Chú, Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí, tập IV Binh Chế Chí, Văn Tịch Chí, Bang Giao Chi, bảng sách dẫn, Viện Sử Học Việt Nam phiên dịch và chú giải, Đào Duy Anh hiệu đính, Hà Nội, nhà Xuất bản Sử Học, 1961, trang 34-35.   
(8) Vũ Phương Đề, Công-Dư Tiệp-Ký, quyển I, dịch giả Tô Nam Nguyễn Đình Diệm, in lần thứ nhất, Saigon, Bộ Quốc Gia Giáo Dục xuất bản, 1961, trang 17-19.   
(9) Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18, tập III, Hoàng Văn Lâu và Ngô Thế Long dịch và chú thích, Hà Nội, nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, 1993, trang 109   
(10) Phạm Đình Hổ & Nguyễn Án, Tang Thương Ngẫu Lục, dịch giả Đạm Nguyên, quyển nhất, Saigon, Bộ QGGD xuất bản, 1962, trang 85-86.   
(11)Lê Đại, Nét Đẹp Của Tinh Thần Thượng Võ, tuần báo Thể Dục Thể Thao số 7(577), Hà Nội, thứ bẩy 12 tháng 2 năm 1976, trang 4.   
(12) Bàng Bá Lân, Vào Thu, Thơ, Saigon, nhà xuất bản Ánh Sáng, 1969, trang 48.

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.  
Nguồn: http://vnthuquan.net  
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.  
  
Nguồn: doitynancọm  
Được bạn: Ct.Ly đưa lên  
vào ngày: 1 tháng 1 năm 2005